

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Công trình: **Xây dựng cơ sở hạ tầng khu giãn dân Đồng Bàu (giai đoạn 2)**
Hạng mục: **Chợ, điện, nước, khu xử lý nước thải**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 469/TTr-STC ngày 07/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

- Tên dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu giãn dân Đồng Bàu (giai đoạn 2).
Hạng mục: Chợ, điện, nước, khu xử lý nước thải.
- Chủ đầu tư: UBND huyện An Lão.
- Đại diện chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện An Lão.
- Địa điểm xây dựng: Xã An Hòa, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.
- Thời gian thực hiện, hoàn thành: 10/8/2018-13/4/2022.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
Tổng số:	13.385.374.000	13.394.921.000
1. Chi phí bồi thường, GPMB:	0	0
2. Chi phí xây dựng :	12.217.185.000	12.246.628.000

- Xây dựng	12.217.185.000	12.216.731.000
- Hạng mục chung	0	29.897.000
3. Chi phí quản lý dự án:	275.482.000	249.982.000
4. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	758.581.000	753.023.000
- Chi phí khảo sát địa chất	29.421.000	29.421.000
- Chi phí lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật	392.389.000	386.833.000
- Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT	22.122.000	22.122.000
- Chi phí giám sát thi công	314.649.000	314.647.000
5. Chi phí khác:	134.126.000	145.288.000
- Chi phí thẩm định Báo cáo KTKT	2.551.00	2.551.000
- Phí phê duyệt Báo cáo KTKT	192.000	0
- Chi phí thẩm định thiết kế và dự toán	35.205.000	35.205.000
- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	9.610.000	50.877.000
- Chi phí bảo hiểm xây lắp	38.714.000	38.714.000
- Chi phí thẩm duyệt PCCC	17.941.000	17.941.000
- Chi phí hạng mục chung	29.913.000	0
6. Chi phí dự phòng:	0	0

2. Vốn đầu tư

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán phê duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7
	Tổng số	13.385.374.000	13.394.921.000	13.344.044.000	50.877.000	
1	Vốn đầu tư công:			13.344.044.000		
1.1	Vốn ngân sách nhà nước:			13.344.044.000		
-	Vốn ngân sách Trung ương – Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững (Vốn Nghị quyết 30a)			13.294.044.000		

+	Năm 2016			1.290.241.000		
+	Năm 2017			8.790.973.000		
+	Năm 2018			3.212.830.000		
-	Vốn ngân sách huyện			50.000.000		
+	Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2015			50.000.000		

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			13.394.921.000	13.394.921.000
1- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			13.394.921.000	13.394.921.000
2- Tài sản ngắn hạn				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư và cơ quan thực hiện dự án:

1.1. Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	13.394.921.000	
Vốn từ Ngân sách nhà nước: Trong đó:	13.394.921.000	
1) Đã bố trí :	13.344.044.000	
-Vốn ngân sách Trung ương – Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững (Vốn Nghị quyết 30a)	13.294.044.000	
+ Năm 2016	1.290.241.000	
+ Năm 2017	8.790.973.000	
+ Năm 2018	3.212.830.000	
-Vốn ngân sách huyện	50.000.000	
+ Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2015	50.000.000	
2) Số chưa bố trí:	50.877.000	

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán là:

Tổng nợ phải trả: 50.877.000 đồng (Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán).

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
UBND xã An Hòa	13.394.921.000	

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán chi phí, vốn đầu tư xây dựng theo đúng quy định của Nhà nước.

2. Các đơn vị tiếp nhận tài sản chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản tiếp nhận theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện An Lão và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh N.T.C.Hoàng;
- Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện An Lão;
- UBND xã An Hòa;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K14.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng